

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỐT NỐT  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Trung Thu**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Tăng Tài Thủ**.

2. Ông **Lê Hồng Vũ**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Thị Kim Xa** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07.3.2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Ngọc T**, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 124/LP, ấp L, xã H, huyện LV, tỉnh ĐT.

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn M**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

ĐKTT (nơi cư trú cuối cùng): Khu vực Đ, phường TL, quận TN, thành phố CT.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do mai mối bà và ông Lê Văn M tiến đến hôn nhân vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TN (cũ) theo số đăng ký 734, quyển số 04, ngày 21.11.2004. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông M có quan hệ với người phụ nữ khác, mặc dù bà đã khuyên ngăn nhưng ông M vẫn không sửa đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến tháng 6 năm 2017, ông M bỏ nhà đi cho đến nay dù bà đã cố gắng tìm kiếm ông M để giải quyết vấn đề hôn nhân nhưng không có kết quả (kèm theo đơn khởi kiện bà T nộp Quyết định của Tòa án về việc tuyên bố ông Lê Văn M mất tích). Nay bà xác định không còn tình cảm với ông M nên bà yêu cầu ly hôn. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc D (nữ), sinh ngày: 24.6.2001 và Lê Duy N (nam), sinh ngày: 18.10. 2007. Cháu D đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ khi ông M bỏ đi cho đến nay cháu N do bà T nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập ông M tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông M đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Bà T yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn M và yêu cầu được nuôi cháu N, bà không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, bà T không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Dương Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Thanh M.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc D (nữ), sinh ngày: 24.6.2001 và Lê Duy N (nam), sinh ngày: 18.10. 2007. Giao cháu N cho bà T nuôi dưỡng, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu D đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét quan hệ hôn nhân của bà Dương Thị Ngọc T và ông Lê Văn M là tự nguyện. Ông bà tiến tới hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bà T có đơn khởi kiện ly hôn đối với ông M nên Tòa án thụ lý xem xét, giải quyết theo thủ tục chung.

[2] *Về tố tụng*: Bị đơn ông Lê Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Lê Văn M.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn, bà T cho rằng ông M có quan hệ với người phụ nữ khác, mặc dù bà cho cơ hội để sửa đổi khắc phục mâu thuẫn nhằm hàn gắn gia đình nhưng vẫn không thể khắc phục được mâu thuẫn từ đó hạnh phúc vợ chồng không còn và đến năm 2017 thì ông M bỏ nhà đi cho đến nay, do thời gian ly thân đã lâu và bà không còn tình cảm với ông M nên bà cương quyết ly hôn. Xét ông Lê Văn M bị Tòa án tuyên bố mất tích nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho bà Dương Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Văn M.

[4] *Về con chung*: Ông bà có 02 người con chung Lê Thị Ngọc D (nữ), sinh ngày: 24.6.2001 và Lê Duy N (nam), sinh ngày: 18.10. 2007. Xét trong trường hợp này ông M bị Tòa án tuyên bố mất tích và hiện nay con do bà T nuôi dưỡng, con có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà T, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu N cho bà T tiếp tục nuôi con và không buộc ông M phải cấp

dưỡng nuôi con là phù hợp. Đối với cháu D đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Dương Thị Ngọc T phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **\* Tuyên án:**

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Cho ly hôn giữa bà Dương Thị Ngọc T và ông Lê Văn M.

2. **Về con chung**: Ông bà có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc D (nữ), sinh ngày: 24.6.2001 và Lê Duy N (nam), sinh ngày: 18.10. 2007. Giao con chung Lê Duy N cho bà Dương Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu D đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho ông M không ai được quyền ngăn cản. Bà T, ông M có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

3. **Về tài sản chung và nợ chung**: Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

- **Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm**: Bà Dương Thị Ngọc T phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004097 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- UBND phường TL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đoàn Thị Trung Thu**